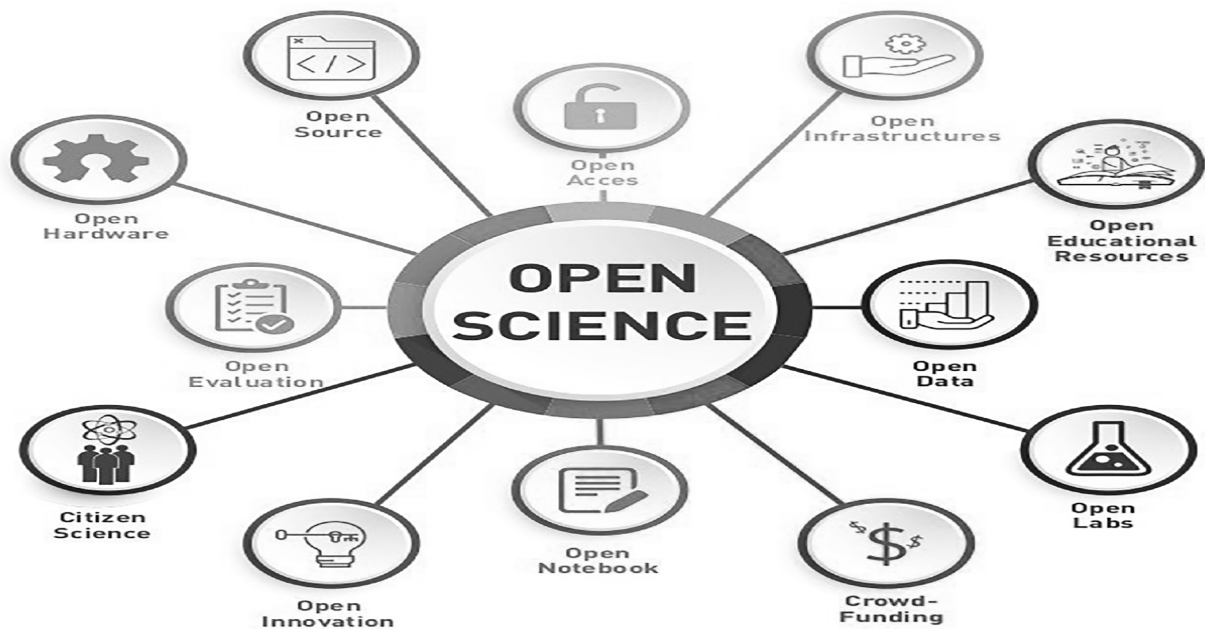


Sở hữu trí tuệ và “khoa học mở” với việc bảo hộ sáng chế TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN⁽¹⁾

■ Trần Văn Hải

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Độc quyền khai thác thương mại các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) là một trong những yếu tố hợp thành hệ thống bảo hộ quyền SHTT. Bản chất của “khoa học mở” là chia sẻ. Bài viết này phân tích mâu thuẫn giữa độc quyền và chia sẻ, đề xuất các giải pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong “khoa học mở”.



1. Các thuật ngữ cơ bản

1.1. Khoa học

Có nhiều cách tiếp cận để định nghĩa khoa học như tiếp cận triết học, tiếp cận pháp luật, tiếp cận kinh tế học...

Vũ Cao Đàm (2010) đã dẫn quan niệm của Pierre Auger (1961) để đưa ra định

nghĩa: *khoa học là hệ thống tri thức về mọi loại qui luật của vật chất và sự vận động của vật chất, những qui luật của tự nhiên, xã hội và tư duy. Hệ thống tri thức này được phân chia thành tri thức kinh nghiệm và tri thức khoa học. Tri thức khoa học là hệ thống tri thức khái quát về các sự vật, hiện tượng của thế giới và các quy luật vận động của chúng. Tri thức khoa học được*

hình thành qua quá trình nghiên cứu khoa học.

1.2. Phân loại khoa học

Có nhiều tiêu chí phân loại khoa học, như theo nguồn gốc hình thành, theo đối tượng nghiên cứu...

OECD (2002) đã phân chia khoa học thành các lĩnh vực:

1. Khoa học tự nhiên (Natural Sciences);
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ (Engineering and Technology);
3. Khoa học y và sức khỏe (Medical and Health Sciences);
4. Khoa học nông nghiệp (Agricultural Sciences);
5. Khoa học xã hội (Social Sciences);
6. Khoa học nhân văn (Humanities).

Bài viết này phân chia các lĩnh vực khoa học theo quy định của OECD (2002), bổ sung 2007.

1.3. Nghiên cứu khoa học

Theo Vũ Cao Đàm (2010), nghiên cứu khoa học là một hoạt động xã hội, hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết: hoặc là phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để cải tạo thế giới.

Khoản 4 điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ quy định: Nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

Nghiên cứu khoa học được chia thành:

- Nghiên cứu cơ bản;
- Nghiên cứu ứng dụng.

Theo Vũ Cao Đàm (2010) thì nghiên cứu cơ bản là những nghiên cứu nhằm phát hiện thuộc tính, cấu trúc, động thái của sự vật. Kết quả nghiên cứu cơ bản có thể là các khám phá, phát hiện, phát minh, dẫn tới hình thành một hệ thống lý thuyết mới.

Nội dung của kết quả nghiên cứu cơ bản không được bảo hộ theo pháp luật về sáng chế, nhưng bản viết về nó lại là tác phẩm khoa học và được bảo hộ theo quy định tại điều 14.1.a. Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) và điều 2.1. Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật.

Theo các lĩnh vực khoa học mà OECD (2002) đã phân chia ở trên, bài viết này quy ước:

- Kết quả nghiên cứu cơ bản trong tất cả mọi lĩnh vực khoa học không thể thương mại hóa;

- Kết quả nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học thuộc nhóm 1, 2, 3, 4 có thể thương mại hóa độc quyền (trừ phương pháp chẩn đoán, chữa bệnh cho người và động vật thuộc nhóm 3);

- Kết quả nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học thuộc nhóm 5 và nhóm 6 không thể thương mại hóa độc quyền.

1.4. “Khoa học mở”

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau để định nghĩa “khoa học mở”. Theo UNESCO (2021)⁽²⁾ thì “khoa học mở” được định nghĩa như là cấu trúc toàn diện kết hợp các phong trào và thực hành khác nhau nhằm làm cho kiến thức khoa học đa ngôn ngữ là sẵn sàng mở, truy cập được và sử dụng lại được cho bất kỳ ai, làm gia tăng cộng tác khoa học và chia sẻ thông tin vì lợi ích của khoa học và xã hội, mở ra các quy trình tạo lập, đánh giá và truyền thông kiến thức khoa học tới các tác nhân xã hội vượt ra khỏi cộng đồng khoa học truyền thống. Nó gồm tất cả các ngành khoa học và các khía cạnh của thực hành học thuật, bao gồm các khoa học cơ bản và ứng dụng, các khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, xây dựng dựa vào các trụ cột chính sau: kiến thức khoa học mở, các hạ tầng khoa học mở, truyền thông khoa học, sự tham gia mở của các tác nhân xã hội và đối thoại mở với các hệ thống kiến thức khác.

Từ những phân tích trong mục “Nghiên cứu khoa học” ở trên cho thấy tính “mở” trong khoa học là đương nhiên đối với kết quả nghiên cứu cơ bản trong tất cả mọi lĩnh vực khoa học, kết quả nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học thuộc nhóm 5, nhóm 6 và phương pháp chẩn đoán, chữa bệnh cho

người và động vật thuộc nhóm 3.

Như vậy, giới hạn nghiên cứu của bài viết này chỉ phân tích “khoa học mở” đối với kết quả nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học thuộc nhóm 1, 2, 3, 4.

1.5. Quyền SHTT

Quyền SHTT là các quyền được pháp luật bảo hộ đối với tài sản trí tuệ. Theo WIPO (1967), SHTT (*Intellectual Property*) là khái niệm được dùng để chỉ những sáng tạo trí tuệ của con người như sáng chế, tác phẩm văn học và nghệ thuật, các biểu tượng, tên, hình ảnh và kiểu dáng công nghiệp được sử dụng trong thương mại.⁽³⁾

Điều 2.viii Công ước Stockholm thành lập WIPO (được ký tại Stockholm 14.7.1967) định nghĩa: “*Quyền SHTT bao gồm các quyền đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học; các quyền liên quan đến hoạt động của các nghệ sĩ biểu diễn, sản xuất bản ghi âm, chương trình phát sóng; quyền đối với sáng chế ở tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người, phát minh khoa học; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu và nhãn hiệu dịch vụ; tên thương mại; quyền chống cạnh tranh không lành mạnh; các quyền khác liên quan đến hoạt động trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật*”⁽⁴⁾.

Kể từ thời điểm Công ước Stockholm được ký kết cho đến nay, các đối tượng của quyền SHTT đã được mở rộng bao gồm: quyền đối với mạch tích hợp bán dẫn, thông tin bí mật, giống cây trồng. Danh mục các

đối tượng của quyền SHTT cũng được quy định tại phần II Hiệp định TRIPS, bao gồm: quyền tác giả và quyền liên quan, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, thông tin bí mật.

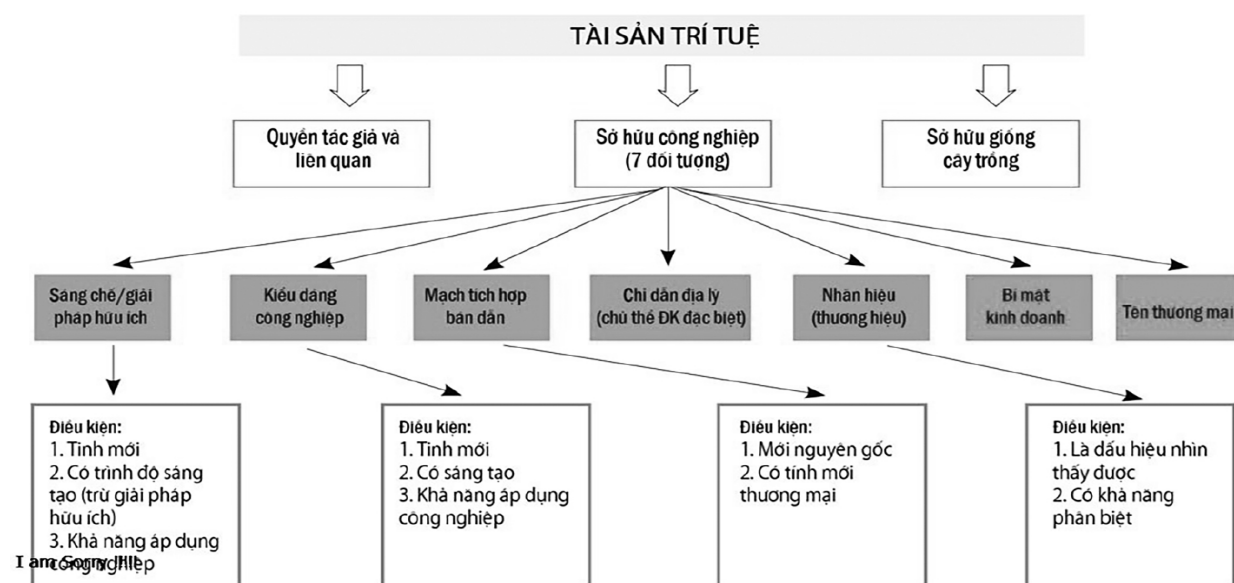
Bảo hộ quyền SHTT là việc Nhà nước đảm bảo cho tổ chức, cá nhân quyền sở hữu, quyền sử dụng các đối tượng của quyền SHTT theo quy định của pháp luật.

Như vậy, bảo hộ quyền SHTT là các hoạt động của Nhà nước, bao gồm:

- Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý SHTT: xác lập quyền tác giả (nếu tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm có yêu cầu), xác lập quyền sở hữu công nghiệp (SHCN), xác lập quyền đối với giống cây trồng, các quy định trong hoạt động chuyển giao quyền SHTT, trong hoạt động dịch vụ đại diện SHCN, trong hoạt động giám định về SHTT và trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các bên trong lĩnh vực SHTT.

- Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khi bị các chủ thể khác xâm phạm quyền SHTT.

1.6. Giới hạn nghiên cứu quyền sở hữu trí tuệ



Luật SHTT Việt Nam quy định quyền SHTT là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng, trong đó:

- Quyền tác giả đối với tác phẩm, Luật SHTT định nghĩa: tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

- Quyền đối với sáng chế, Luật SHTT định nghĩa: sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

Trong khuôn khổ của bài viết này, quyền SHTT được giới hạn bao gồm:

- Quyền tác giả đối với tác phẩm khoa học;
- Quyền đối với sáng chế.

2. Quyền tác giả và “khoa học mở”

2.1. Quyền tác giả phù hợp với “khoa học mở”

Quyền tác giả được bảo hộ tuân theo các nguyên tắc phù hợp với định nghĩa “khoa học mở” đã nêu trên, cụ thể:

- Nguyên tắc bảo hộ tự động, theo đó quyền tác giả được phát sinh tự động kể từ thời điểm tác phẩm được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung và giá trị của tác phẩm, không phân biệt vào thủ tục đăng ký bảo hộ tác phẩm. Trên bình diện quốc tế, nguyên tắc bảo hộ tự động còn được hiểu là tại thời điểm một tác phẩm được công bố tại một quốc gia thành viên của Công ước Berne thì ngay lập tức và vô điều kiện tác phẩm này cũng phải được các quốc gia thành viên còn lại của Công ước Berne bảo hộ.

- Nguyên tắc bảo hộ hình thức thể hiện, không bảo hộ nội dung tác phẩm, nguyên tắc này có ý nghĩa khoa học, ý nghĩa kinh tế - xã hội, vì không quy định tác giả, chủ sở hữu tác phẩm quyền ngăn cấm chủ thể khác làm theo nội dung tác phẩm.

Tuy nhiên, việc bảo hộ tác phẩm khoa học còn tuân theo các nội dung được phân tích sau đây.

2.2. Quyền tác giả chưa phù hợp với “khoa học mở”

Việc bảo hộ quyền tác giả bao gồm bảo hộ quyền nhân thân của tác giả theo quy định tại Điều 19.1, 19.2, 19.4 Luật SHTT, quyền công bố tác phẩm và quyền tài sản của chủ sở hữu tác phẩm theo quy định tại Điều

19.3 và Điều 20 Luật SHTT, trong nhóm quyền tài sản được bảo hộ có quyền độc quyền sao chép, ngăn cấm/cho phép người khác sao chép tác phẩm.

Sao chép là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào. Quyền sao chép tác phẩm là một trong các quyền tài sản độc quyền thuộc quyền tác giả, do chủ sở hữu thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo ra bản sao dưới hình thức điện tử.

Cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, khái niệm sao chép tác phẩm được mở rộng hơn, phiên bản Công ước Berne (September 28, 1979) đã đưa ra thuật ngữ “tái tạo tác phẩm” khi quy định về quyền tác giả tại Điều 9.1. *Tác giả có các tác phẩm văn học, nghệ thuật được Công ước này bảo hộ, được độc quyền cho phép tái tạo lại các tác phẩm đó dưới bất kỳ phương thức hay hình thức nào.*

Chủ sở hữu tác phẩm khoa học được xác định trên nguyên tắc, tổ chức hoặc cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất để cho các cá nhân tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học thì là chủ sở hữu tác phẩm khoa học.

Điểm khó khăn lớn nhất trong việc thực hiện các nội dung của “khoa học mở” là thực thi quy định tại Điều 22 Nghị định 22/2018/NĐ-CP *thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số.* Quy định trên đã cụ thể hóa độc quyền của chủ sở hữu tác phẩm sao chép, ngăn cấm/cho phép người khác sao chép tác phẩm. Như vậy, thư viện (kể cả thư viện số) - đóng vai trò như một tổ chức trung gian truyền đạt tác phẩm đến công chúng không được phép phân phối bản sao tác phẩm (kể cả bản sao kỹ thuật số) đến công chúng.

3. Quyền đối với sáng chế và “khoa học mở”

3.1. Quyền đối với sáng chế phù hợp với “khoa học mở”

Như đã phân tích, sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên. Sáng chế có các đặc điểm:

- Là giải pháp kỹ thuật, bởi vậy nó không tồn tại trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn;

- Sáng chế phải có tính mới, đây là đặc điểm quan trọng nhất làm cho sáng chế khác biệt với phát minh khoa học (phát minh khoa học là kết quả nghiên cứu cơ bản, là tác phẩm khoa học, được bảo hộ quyền tác giả);

- Sáng chế bị tiêu vong theo sự tiến bộ của công nghệ, tức là được thay thế bởi các giải pháp kỹ thuật khác tiến bộ hơn. Sáng chế chỉ có giá trị kỹ thuật trong một khoảng thời gian nhất định, đó là một trong số các lý do sự độc quyền đối với sáng chế chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định.

Việc bảo hộ sáng chế dựa trên các lý thuyết, ví dụ:

- Thuyết phần thưởng: bằng cách dành cho chủ sở hữu sáng chế độc quyền khai thác thương mại trong một thời gian nhất định (pháp luật Việt Nam quy định thời gian này là 20 năm), hết thời hạn này thì sáng chế thuộc về công chúng, có nghĩa là bất kỳ chủ thể nào cũng có quyền khai thác thương mại đối với sáng chế, ví dụ quyền sản xuất thuốc gốc (thuốc được cấp bằng độc quyền sáng chế nhưng đã hết hiệu lực bảo hộ);

- Thuyết “đánh đổi”, có thể hiểu thuyết này như sau: để sáng chế được bảo hộ thì chủ sở hữu sáng chế phải bộc lộ đầy đủ và rõ ràng bản chất của sáng chế đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế đó.

Ý nghĩa khoa học của thuyết này thể hiện: từ sáng chế đã biết, mọi người có thể tiếp tục nghiên cứu, cải tiến sáng chế, phát triển sáng chế.

Ý nghĩa kinh tế - xã hội của thuyết này thể hiện: không lãng phí thời gian, chi phí để nghiên cứu lặp lại.

Ý nghĩa của các lý thuyết trên về bảo hộ sáng chế là phù hợp với “khoa học mở”.

3.2. Quyền đối với sáng chế khó phù hợp với “khoa học mở”

Quy định “bộc lộ đầy đủ và rõ ràng bản chất của

sáng chế đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế” chỉ là “quy định”, trong thực tế thì chủ sở hữu sáng chế có nhiều cách để người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng không thể thực hiện được sáng chế. Thực tế này đã diễn ra ngay cả tại Hoa Kỳ - một quốc gia được xem là có quy định bảo hộ sáng chế nghiêm ngặt nhất trên thế giới.

Bài viết xin dẫn chứng sáng chế có các thông tin chính sau đây:

- Tên sáng chế: *Process for preparing aged garlic*

- Số hiệu sáng chế: US 8187654 B2

- Ngày cấp patent: 29/05/2012

Tóm tắt sáng chế⁽⁵⁾: phương pháp bảo quản tỏi theo các bước: bảo quản bằng không khí nóng ở nhiệt độ từ 40-90°C... sau đó tiếp tục... bằng không khí nóng ở 20-30°C trong 30-50 giờ một lần nữa... bằng không khí nóng ở 40-90°C trong 280-320 giờ...

Bản mô tả trên ít nhất có 2 điểm chưa phù hợp với “khoa học mở”, đó là:

- Bản mô tả sáng chế được thể trong “biên” quá lớn, lại liên quan đến 2 thông số là nhiệt độ và thời gian, mặc dù bản mô tả này là công khai, đến mức tác giả bài báo này (TVH) có thể tiếp cận, sao chép và lưu giữ được, nhưng có lẽ khó có một chuyên gia nào trong lĩnh vực bảo quản nông sản sau thu hoạch lại có khả năng đọc bản mô tả này và thực hiện được sáng chế;

- Nội dung bảo hộ sáng chế cho phép chủ sở hữu sáng chế có quyền ngăn cấm người khác thực hiện phương pháp bảo quản tỏi khô trong cái “biên” quá lớn này, nói cách khác bất kỳ chủ thể nào (dù không biết đến sự tồn tại của sáng chế) nếu bảo quản tỏi khô trong khoảng “biên” này, trong khoảng thời gian và trên lãnh

thổ bảo hộ sáng chế, đều có thể bị coi là xâm phạm quyền đối với sáng chế của chủ sở hữu sáng chế.

Như vậy, cần thấy rằng để giữ bí mật công nghệ, giữ độc quyền khai thác thương mại đối với sáng chế, chủ sở hữu sáng chế đã cố tình “lách luật” bằng cách như đã phân tích ở trên.

Trong nghiên cứu của Jorge Contreras (2020) có đề cập đến “Cam kết COVID Mỏ” (*Open COVID Pledge*) đưa ra nền tảng xúc tác cho những người nắm giữ các bằng sáng chế và bản quyền cam kết các tài sản đó để đấu tranh chống Covid-19 trên cơ sở không có phí bản quyền (*royalty-free*).

Xin phân tích các chi tiết sau đây, với giả định rằng hãng Pfizer đồng ý bộc lộ thông tin về vaccine Pfizer. Trong trường hợp này, các hãng dược phẩm có đủ năng lực công nghệ:

- Có thể tiếp cận được thông tin về chất thể, ví dụ vaccine Pfizer cần hơn 280 nguyên liệu và thành phần khác nhau (*Pfizer's vaccine requires 280 different materials and components*) do các doanh nghiệp dược phẩm từ 19 quốc gia cung cấp;

- Khó có thể giải mã được quy trình/phương pháp để giải quyết quan hệ giữa 280 nguyên liệu và thành phần khác nhau để tạo nên vaccine Pfizer (nói theo ngôn ngữ của lý thuyết hệ thống thì khó có thể giải mã được mối quan hệ giữa các phân hệ, module, phần tử trong hệ thống).

Như vậy, để các hãng dược phẩm có đủ năng lực công nghệ sản xuất vaccine có thể sản xuất vaccine Pfizer với giả định rằng hãng Pfizer đồng ý bộc lộ thông tin về vaccine Pfizer cũng còn nan giải trừ trường hợp hãng Pfizer đồng ý chuyển giao công nghệ thể hiện trong quy trình/phương pháp như đã phân tích ở trên.

4. Đề xuất giải pháp

Như trên đã phân tích nội dung thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số.

Quy định này đề cập đến tác phẩm nói chung, bao gồm các tác phẩm thuộc các lĩnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học.

Nội dung của quy định này là phù hợp với việc bảo hộ quyền tài sản đối với các tác phẩm văn học và nghệ thuật, tuy nhiên lại chưa phù hợp với việc bảo hộ tác

phẩm khoa học theo khuyến nghị của UNESCO về “khoa học mở”.

Đề xuất: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nên nghiên cứu ban hành thông tư để hướng dẫn thi hành Điều 22.2 Nghị định 22/2018/NĐ-CP: “Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 của Luật SHTT là việc sao chép không quá một bản. Thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số”.

Đối với các tác phẩm không thỏa mãn khái niệm tác phẩm khoa học thì nên thực hiện theo quy định của WIPO (2016)⁽⁶⁾ về cấp phép sử dụng tác phẩm⁽⁷⁾:

4.1. Giấy phép Creative Commons/Attribution 3.0 IGO

Giấy phép này cho phép người dùng tác phẩm quyền sao chép, phân phối, chỉnh sửa, dịch các ấn phẩm tác phẩm, kể cả sử dụng tác phẩm với mục đích thương mại, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc.

Dạng giấy phép này được xem là đặc biệt nhất, vì nó cho phép người sử dụng tác phẩm được quyền chỉnh sửa tác phẩm mà không bị coi là vi phạm Điều 19.4 Luật SHTT, ví dụ: quyền phát triển phần mềm nguồn mở, quyền cải tiến sáng chế khi tiếp cận bản mô tả sáng chế (như một tác phẩm khoa học).⁽⁸⁾

4.2. Giấy phép Creative Commons/Attribution-ShareAlike 3.0 IGO

Giấy phép này cho phép người dùng tác phẩm quyền sao chép, phân phối, chỉnh sửa, dịch các ấn phẩm tác phẩm, kể cả sử dụng tác phẩm với mục đích thương mại, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc. Điểm khác biệt so với giấy phép được nêu tại trường hợp 1 là người sử dụng tác phẩm có quyền phân phối lại (*re-distribution*) tác phẩm.

4.3. Giấy phép Creative Commons/Attribution-Non-Commercial 3.0 IGO

Giấy phép này cho phép người dùng tác phẩm quyền sao chép, phân phối, chỉnh sửa, dịch các ấn phẩm tác phẩm, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc.

4.4. Giấy phép Creative Commons/Attribution-NoDerivs 3.0 IGO

Giấy phép này cho phép người dùng tác phẩm quyền sao chép, phân phối các ấn phẩm tác phẩm, kể cả sử dụng tác phẩm với mục đích thương mại (không bao gồm quyền dịch vì mục đích thương mại), với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc.

4.5. Giấy phép Creative Commons/Attribution-Non-Commercial-ShareAlike 3.0 IGO

Giấy phép này cho phép người dùng tác phẩm quyền sao chép, chỉnh sửa, dịch các ấn phẩm tác phẩm, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc.

4.6. Giấy phép Creative Commons/Attribution-Non-Commercial-NoDerivs 3.0 IGO

Dạng giấy phép này được xem là hạn chế nhất. Người sử dụng tác phẩm chỉ được phép sao chép các ấn phẩm của tác phẩm, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên, quyền đứng tên và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm của tác giả tác phẩm gốc.

5. Bảo hộ sáng chế trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Trong những năm qua, Nghệ An có nhiều sáng chế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp có giá trị kinh tế cao, đã được Cục SHTT cấp bằng độc quyền sáng chế, có thể dẫn chứng:

- Bằng độc quyền sáng chế số 1-0015399 cho *Phương pháp tạo đặc ruột cho tre và sản phẩm tre đặc ruột được sản xuất theo phương pháp này*, tác giả Phan Trọng Thích;

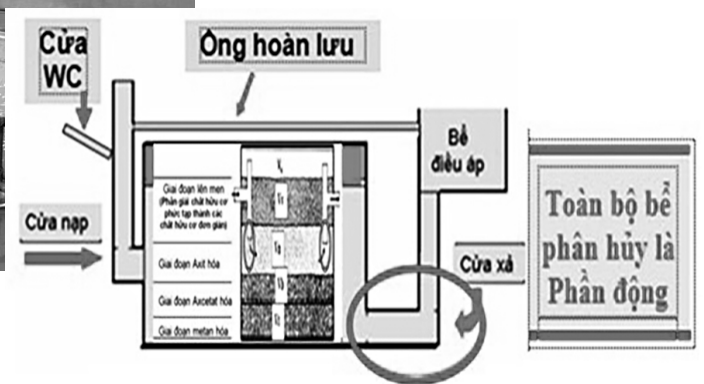
- Bằng độc quyền sáng chế số 1-0020468 cho *Thiết bị sản xuất khí sinh học từ phế phụ phẩm nông nghiệp, sinh khối và rác thải sinh hoạt hữu cơ*, tác giả Nguyễn Hồng Sơn;

- Bằng độc quyền sáng chế số 1-0021425 cho *Hệ thống lồng nuôi cá trên hồ*, tác giả Hoàng Văn Hợi.

Nhiều đề tài KH&CN đã được triển khai và hoàn thiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong đó có đề tài “Hoàn thiện quy trình phân lập, lưu trữ giống, công nghệ nuôi trồng tảo *Spirulina platensis* và sản xuất chế biến các sản phẩm từ tảo *Spirulina platensis* tại Nghệ An” (gọi tắt là đề tài). Đây là công trình nghiên cứu phân lập, lưu trữ, nuôi trồng và chế biến tảo xoắn đầu tiên được nghiên cứu tại Nghệ An và đã đạt giải Nhất Giải thưởng



Sáng chế Hệ thống lồng nuôi cá trên hồ



Sáng chế Thiết bị sản xuất khí sinh học từ phế phụ phẩm nông nghiệp và rác thải sinh hoạt hữu cơ

Sáng tạo Khoa học và Công nghệ năm 2020.

Vận dụng các nguyên tắc về bảo hộ quyền SHTT và khoa học mở như đã phân tích ở trên cho thấy:

- Khi đề tài được công bố trên các ấn phẩm khoa học thì chủ sở hữu đề tài không có quyền ngăn cấm người khác sử dụng những chi tiết công nghệ đã công bố như nội dung ấn phẩm khoa học đã đề cập;

- “*Tinh mở*” được bảo hộ quyền tác giả phải được chia sẻ và phần “*bí mật công nghệ*” được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp là không thể chia sẻ, có nghĩa là chủ sở hữu đề tài có quyền ngăn cấm người khác sử dụng “*bí mật công nghệ*” vì mục đích thương mại;

- Câu hỏi được đặt ra, chủ sở hữu đề tài được độc quyền khai thác thương mại “*bí mật công nghệ*” đến khi nào? Có 2 trường hợp:

- + Trường hợp 1: nếu “*bí mật công nghệ*” được cấp bằng độc quyền sáng chế thì chủ sở hữu được độc quyền khai thác thương mại trong thời gian 20 năm tính từ thời điểm nộp đơn yêu cầu bảo hộ sáng chế;

- + Trường hợp 2: nếu “*bí mật công nghệ*” không được cấp bằng độc quyền sáng chế (do chủ sở hữu không nộp đơn yêu cầu bảo hộ hoặc có nộp đơn nhưng không được cấp văn bằng bảo hộ) thì chủ sở hữu được độc quyền khai thác thương mại đến thời điểm “*bí mật công nghệ*” bị bộc lộ do có người khác độc lập nghiên cứu và tìm ra “*bí mật công nghệ*” hoặc người khác giải mã thành công “*bí mật công nghệ*”.

Hiện tại, Cục SHTT mới ghi nhận có 2 sáng chế liên quan đến *tảo Spirulina platensis*, đó là:

- Sáng chế *Thiết bị phản ứng quang sinh học và quy trình nuôi trồng vi tảo Spirulina platensis bằng thiết bị này*, đồng tác giả sáng chế: Đào Thị Lương, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Thị Hoài Hà, Nguyễn Đình Tuấn, Phạm Thị Bích Đào, Dương Văn Hợp, số bằng 2-0002111-000, ngày cấp 12/08/2019;

- Sáng chế *Quy trình nuôi sinh khối tảo Spirulina platensis bằng nước biển trong bể hở*, đồng tác giả sáng chế: Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Thanh Mai, Lê Thủy Tiên, Vương Tất Đạt, Trần Bảo Trâm, ngày nộp đơn: 09/12/2019 (sáng chế này chưa được cấp bằng độc quyền).

Nhận định sáng chế *quy trình phân lập, lưu trữ giống, công nghệ nuôi trồng tảo Spirulina platensis và sản xuất chế biến các sản phẩm từ tảo Spirulina platensis* có thể đáp ứng các điều kiện về tính mới, trình độ sáng tạo, khả năng áp dụng công nghiệp để được cấp bằng độc quyền sáng chế.

Từ đó cho thấy chủ sở hữu nên nộp đơn yêu cầu Cục SHTT cấp bằng độc quyền sáng chế, yêu cầu này là đơn giản khi có sự hỗ trợ về thủ tục của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An.

Được biết, số lượng tài sản trí tuệ là đối tượng của sáng chế trên địa bàn tỉnh



Công nghệ nuôi trồng tảo *Spirulina platensis* ở Quỳnh Lưu

Nghệ An là khá lớn, nếu không đăng ký yêu cầu bảo hộ thì dẫn đến lãng phí nguồn tài nguyên trí tuệ này, mặt khác có thể tác động không mong muốn đến độc quyền khai thác thương mại của chủ sở hữu tài sản trí tuệ.

Do khuôn khổ có hạn của bài báo tác giả chỉ xin dẫn tảo *Spirulina platensis* để minh họa.

6. Kết luận

Bài viết đã phân tích mâu thuẫn giữa độc quyền khai thác thương mại các đối tượng của quyền SHTT với sự chia sẻ của “khoa học mở” có bản chất từ quyền tài sản của chủ sở hữu kết quả nghiên cứu với lợi ích chung của cộng đồng. Chủ sở hữu kết quả nghiên cứu cần thu hồi chi phí cho nghiên cứu trong quá khứ để tiếp tục đầu tư cho nghiên cứu trong tương lai, trong khi đó cộng đồng xã hội lại có nhu cầu tiếp cận kết quả nghiên cứu để phục vụ lợi ích hiện tại, phát triển công nghệ, cải tiến công nghệ trong tương lai. Chỉ khi nào trung hòa được quyền và lợi ích của chủ sở hữu kết quả nghiên cứu với cộng đồng xã hội thì vấn đề SHTT trong “khoa học mở” mới được giải quyết.

Bài viết đề xuất với cơ quan quản lý Khoa học và Công nghệ Nghệ An, với chủ sở hữu tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An về việc đăng ký bảo hộ sáng chế nhằm đảm bảo độc quyền khai thác thương mại đối với tài sản trí tuệ do mình là chủ sở hữu./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Bài này được bổ sung và chỉnh sửa từ bài “Sở hữu trí tuệ và Khoa học mở” đã được trình bày tại Hội thảo Thực trạng và đề xuất phát triển khoa học và công nghệ mở tại Việt Nam, do Bộ KH&CN tổ chức ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại Hà Nội

⁽²⁾ Tác giả (TVH) sử dụng bản dịch tiếng Việt của Lê Trung Nghĩa ngày 23/11/2021: Khuyến nghị Khoa học Mở.

⁽³⁾ WIPO (1967), *What is Intellectual Property?* WIPO Publication No. 450(E). ISBN 978-92-805-1555-0

⁽⁴⁾ Article 2.viii (Convention Establishing the World Intellectual Property Organization)

⁽⁵⁾ Nguyễn văn: *The invention concerns a method of producing aged garlic in which its antioxidation capability is significantly increased as compared to that of raw garlic which is used as a raw material for producing the aged garlic without reducing the essential effectiveness of garlic, Sarylcysteine that does not exist in raw garlic is generated, and the content of polyphenol is increased. The method of producing aged garlic according to the invention is characterized by comprising the steps of aging raw garlic with hot air at 40 to 90°C. for about 300 hours, naturally*

drying the resultant garlic for approximately 40 hours and then ageing the garlic with hot air at 20 to 30°C. for 30 to 50 hours again. In the step of aging the garlic with hot air at 40 to 90°C. for 280 to 320 hours, a plurality of pieces of the raw garlic is placed in a steel bin and then the steel bins are put into a container for aging.

⁽⁶⁾ WIPO (2016), *Use of the Creative Commons IGO licenses, Under the WIPO Open Access Policy.*

⁽⁷⁾ Xin tham khảo thêm: Trần Văn Hải (2017), *Bảo hộ quyền tác giả trong việc xây dựng “tài nguyên giáo dục mở”*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 4/2017, ISSN 2525-2666

⁽⁸⁾ Điều 122.2 Luật SHTT không quy định quyền “bảo vệ sự vẹn toàn của sáng chế” trong nhóm quyền nhân thân của tác giả sáng chế.

Tài liệu tham khảo:

1. Cục SHTT, *Dữ liệu sáng chế đăng trên IPLib*, ngày tra cứu 08/4/2022

2. Vũ Cao Đàm (2010), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

3. Jorge Contreras (2020), *Để sở hữu trí tuệ đã cam kết làm việc được - nhận diện sở hữu trí tuệ sẵn sàng theo Cam kết Open COVID (Putting Pledged IP to work - Identifying IP available under the Open COVID Pledge)*. Nguồn <https://open-covidpledge.org/2020/06/12/putting-pledged-ip-to-work-identifying-ip-available-under-the-open-covid-pledge/>

4. Trần Văn Hải (2017), *Bảo hộ quyền tác giả trong việc xây dựng “tài nguyên giáo dục mở”*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 4/2017, ISSN 2525-2666

5. Lê Trung Nghĩa (2020), *Khoa học mở: Những gợi ý cho Việt Nam*, Tia sáng (Đổi mới sáng tạo) 10/2020

6. Lê Trung Nghĩa (2021), *Thực trạng tài nguyên giáo dục mở ở Việt Nam và gợi ý giải pháp cho học tập suốt đời*, Kỳ yếu hội thảo quốc gia: “Khoa học Giáo dục với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” do Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tổ chức ngày 26/11/2021, trang 304-323

7. Pierre Auger (1963), *Tendances actuelles de la recherche scientifique*, Revue Tiers Monde Année 1963, 13-14, pp. 285-287

8. OECD (2002), *Frascati classification of science and technology*

9. UNESCO (2021), *Recommendation on Open Science*. Bản dịch tiếng Việt của Lê Trung Nghĩa ngày 23/11/2021: Khuyến nghị Khoa học Mở.

10. WIPO (2016), *Use of the Creative Commons IGO licenses, Under the WIPO Open Access Policy.*